

KẾ HOẠCH

Đột phá thực hiện Đề án nửa triệu con đại gia súc và đảm bảo tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp năm 2018 đạt 32%

Căn cứ Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 31/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển nửa triệu con đại gia súc hàng hóa tỉnh Hà Giang giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn đến năm 2025; UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đột phá thực hiện Đề án nửa triệu con đại gia súc và đảm bảo tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp năm 2018 đạt 32%, cụ thể:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án phát triển nửa triệu con đại gia súc hàng hóa, nhằm đưa tỷ trọng giá trị chăn nuôi năm 2018 chiếm 32% trong tỷ trọng ngành Nông nghiệp.

- Đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu thực phẩm cho người dân, thúc đẩy phát triển chăn nuôi thành hàng hóa, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; từ đó nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi.

- Ứng dụng hiệu quả các thành tựu khoa học, công nghệ vào trong chăn nuôi, chuyển dịch dần từ chăn nuôi nông hộ quy mô nhỏ lẻ sang chăn nuôi quy mô gia trại, trang trại nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm chăn nuôi.

- Phát triển chăn nuôi phải gắn với bảo vệ môi trường và phát triển du lịch.

2. Yêu cầu

- UBND các huyện, thành phố tập trung nguồn lực để đầu tư hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân phát triển chăn nuôi nhằm tăng nhanh tổng đàn gia súc, gia cầm. Mục tiêu cuối năm 2018 tổng đàn trâu, bò, dê, lợn có trên 2.072.153 con, tăng bình quân 6,4% so với năm 2017.

- Ưu tiên thúc đẩy phát triển chăn nuôi trâu, bò hàng hóa tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại đặc biệt là gia trại chăn nuôi trâu, bò, lợn và gia cầm nhằm tăng nhanh số lượng gia súc, gia cầm xuất chuồng.

- Xây dựng mới chợ đầu mối buôn bán đại gia súc tại các huyện (*tối thiểu mỗi huyện phải có một chợ quy mô tối thiểu mỗi phiên phải có ít nhất từ 100 con gia súc trở lên*). Nâng cấp và duy trì tốt hoạt động chợ bò tại trung tâm huyện Mèo Vạc, chợ Lũng Phìn huyện Đồng Văn, chợ Tráng Kim huyện Quản Bạ và mở rộng một số chợ gia súc dọc tuyến biên giới.

- Tổ chức bình tuyển đàn trâu, bò cái để làm giống, xây dựng vùng sản xuất trâu, bò cái giống nhằm đẩy mạnh công tác thụ tinh nhân tạo trên đàn trâu, bò. Mục tiêu trong năm 2018 thụ tinh nhân tạo thành công trên 4.000 con trâu, bò.

- Đối với 04 huyện Đông Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ mỗi huyện lựa chọn một xã chuyên sản xuất bò giống. Đối với các huyện vùng thấp của tỉnh xây dựng vùng sản xuất trâu giống (*mỗi huyện lựa chọn một xã chuyên sản xuất con giống*). Đối với các huyện còn lại tùy từng điều kiện mà lựa chọn xã, đối tượng vật nuôi để sản xuất con giống.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ thú y thôn bản.

- Nâng cấp Phòng chẩn đoán bệnh động vật cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y, nhằm phát hiện dịch bệnh gia súc, gia cầm sớm và ngăn chặn kịp thời.

- Đẩy mạnh quá trình xúc tiến thương mại, quảng bá các sản phẩm của ngành chăn nuôi nhằm giải quyết đầu ra cho sản phẩm.

II. NỘI DUNG

1. Mục tiêu

- Đưa tỷ trọng ngành chăn nuôi trong năm 2018 đạt 32% trong giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh, ước tổng giá trị thu được 2.880 tỷ đồng.

- Tổng đàn trâu, bò có mặt thường xuyên: 293.517 con, tăng 4,2% so với năm 2017, tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 7.887,4 tấn, ước tổng giá trị thu được 586,47 tỷ đồng.

- Tổng đàn lợn có mặt thường xuyên: 599.813 con, tăng 8%; tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 32.765 tấn, ước giá trị thu được 1.038,5 tỷ đồng.

- Tổng đàn dê có mặt có mặt thường xuyên: 174.844 con, tăng 4,8%; tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 2.027 tấn, ước giá trị thu được 235,4 tỷ đồng.

- Tổng đàn gia cầm có mặt thường xuyên: 4.733,6 nghìn con, tăng 12% so với năm 2017, tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 9.072,6 tấn, ước giá trị thu được từ chăn nuôi gia cầm 582,7 tỷ đồng.

- Tổng đàn ong: 43.964 tổ, tăng 1,8% so với năm 2017. Tổng sản lượng mật thu được 303,8 tấn, ước giá trị thu được 33,4 tỷ đồng.

- Triển khai bình tuyển trên 6.000 con trâu, bò cái chăn nuôi theo hướng sinh sản, duy trì đàn trâu, bò cái sinh sản để đảm bảo tỷ lệ tăng đàn tự nhiên.

- Thực hiện thụ tinh nhân tạo thành công cho đàn trâu, bò trên 4.000 con.

- Thực hiện thiến trâu, bò đực cóc không đủ tiêu chuẩn làm giống: 1.250 con.

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng hàng hóa, chăn nuôi tập trung quy mô gia trại, trang trại. Phần đầu cuối năm 2018 hình thành mới 107 trang trại, gia trại chăn nuôi (*trong đó: gia trại trâu, bò 27; gia trại lợn 45; gia trại gia cầm 21; gia trại dê 14*).

(Có biểu 01, 02, 03 chi tiết kèm theo)

2. Các giải pháp triển khai thực hiện

2.1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Xây dựng Nghị quyết chuyên đề của các Huyện ủy, Thành ủy làm cơ sở chỉ đạo và triển khai thực hiện Kế hoạch. Phát huy vai trò lãnh đạo của các cấp chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá sơ kết, tổng kết trong quá trình thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi của tỉnh và Trung ương đã ban hành.

- Thúc đẩy việc triển khai thực hiện hỗ trợ cho người chăn nuôi theo Nghị quyết 209/2015/NQ-HĐND, Nghị quyết 86/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh v/v ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn tỉnh; Quyết định 22/2015/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 của UBND tỉnh; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh v/v sửa đổi, bổ sung Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 11/11/2015.

- Đẩy mạnh triển khai, thực hiện Đề án phát triển nửa triệu con đại gia súc hàng hóa của tỉnh Hà Giang giai đoạn 2018 – 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

- Trong năm 2018 và những năm tiếp theo UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi theo chuỗi liên kết chăn nuôi tiêu thụ sản phẩm, khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào chăn nuôi tiêu thụ sản phẩm. Phát triển chăn nuôi phải theo quy hoạch tập trung, theo vùng xã trọng điểm, trang trại chăn nuôi quy mô lớn, kết hợp với chăn nuôi quy mô nhỏ hộ gia đình, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (Nhà sản xuất + Doanh nghiệp và thị trường). Phát triển chăn nuôi theo hướng VietGAP để tạo ra sản phẩm chất lượng an toàn thực phẩm cung cấp cho tiêu dùng, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

2.2. Các giải pháp về kỹ thuật

a) Về công tác giống

- Đối với trâu, bò

+ Bình tuyển chọn lọc trâu, bò cái giống để chăn nuôi theo hướng sinh sản, xây dựng vùng sản xuất con giống; mục tiêu trong năm thực hiện bình tuyển 6.000 con. Trong năm 2018 tại 04 huyện vùng cao nguyên đá xây dựng hình thành các vùng, cơ sở sản xuất và cung ứng các dịch vụ về giống bò, các huyện thuộc vùng thấp xây dựng vùng, cơ sở sản xuất và cung ứng các dịch vụ về giống trâu.

+ Đẩy mạnh công tác thụ tinh nhân tạo, phân đầu trong năm thực hiện thụ tinh nhân tạo được trên 4.000 con trâu, bò.

+ Đưa một số giống trâu, bò ngoại hoặc trâu, bò lai như: Trâu lai F1 Murrah, bò Brahman; bò Charolais; bò Red August... và các tổ hợp lai của chúng. Tuy nhiên chỉ nên tập trung phát triển tại một số huyện có điều kiện kinh tế, điều kiện về đất, khí hậu thuận lợi, dân trí cao như: thành phố Hà Giang, Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình, Xín Mần, Hoàng Su Phì, Bắc Mê (lưu ý: chỉ được phép nhập các giống

vật nuôi nhập ngoại và tổ hợp lai của chúng phải nằm trong danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh do Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định).

+ Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm KHKT Giống cây trồng và Gia súc Phó Bảng, triển khai sản xuất và cung cấp tinh bò cọng rạ, tinh đông viên phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo cho đàn trâu, bò trên đàn tinh.

- **Đối với lợn:** Căn cứ vào điều kiện khí hậu, sinh thái và kinh tế của từng địa phương lựa chọn con giống sao cho phù hợp. Khuyến khích phát triển các giống địa phương có giá trị kinh tế cao như: Lợn đen Lũng Pù, Lợn Hưng Bắc Mê... Tại các huyện vùng thấp như: Bắc Quang, Vị Xuyên, TP Hà Giang, Quang Bình, Bắc Mê khuyến khích người chăn nuôi phát triển nhanh các giống lợn siêu nạc. Dựa trên lợi thế của từng địa phương tập trung chỉ đạo, hỗ trợ xây dựng vùng, cơ sở sản xuất giống lợn để cung cấp con giống và dịch vụ về công tác giống cho người dân trên địa bàn.

- **Đối với gia cầm:** Các huyện, thành phố trước mắt cần tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi các giống gia cầm bản địa có giá trị kinh tế cao và các giống gà thả vườn như: Gà ri lai, Lương phượng, Đông tảo, Mía, Hồ, Kabir, Ross đỏ, gà Mông, Vịt Bầu, ngan Trâu (ngan Đen), một số giống gia cầm khác của địa phương và tổ hợp lai giữa các giống gà thịt với gà nội.

Các địa phương cần chủ động ban hành các cơ chế hỗ trợ để khuyến khích xây dựng các vùng, các cơ sở sản xuất giống đạt tiêu chuẩn để cung cấp con giống cho người chăn nuôi.

- **Đối với dê:** Phát triển song song giữa giống dê cỏ địa phương và nghiên cứu khảo nghiệm đưa các giống dê lai có tầm vóc, năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất.

- **Đối chăn nuôi ong:** Phát triển bền vững nghề nuôi ong của tỉnh, tại 4 huyện vùng Đông Văn, Mèo Vạc, Yên Minh và Quản Bạ tập chung bảo tồn, khai thác và phát triển giống ong nội địa phương (*tên khoa học Apis Cerana*).

b) Giải pháp về thức ăn

* **Đối với trâu, bò, dê:**

- Rà soát, đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển các giống cỏ hiện có trên địa bàn tỉnh, từ đó xây dựng cơ cấu giống và lịch thời vụ cho từng loại giống; đặc biệt phát triển các giống cỏ có khả năng chịu lạnh và có hàm lượng dinh dưỡng cao.

- Mở rộng diện tích cỏ trồng bằng biện pháp chuyển đổi mạnh diện tích đất nông nghiệp kém hiệu quả sang trồng cỏ phục vụ chăn nuôi.

- Đẩy mạnh công tác chuyên giao tiến bộ khoa học cho người chăn nuôi về kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác cỏ thức ăn gia súc và cách chế biến, bảo quản, dự trữ thức ăn trong vụ đông cho đàn trâu, bò thông qua các lớp tập huấn, các mô hình điểm, thông tin truyền thông ... triển khai trồng thêm diện tích ngô dày để đáp ứng đủ lượng thức ăn thô xanh cho đàn vật nuôi.

* **Đối với lợn, gia cầm:**

- Phát huy hiệu quả nguồn thức ăn chăn nuôi sẵn có của địa phương, hướng dẫn người dân phối trộn các nguyên liệu thức ăn sẵn có ở địa phương để sử dụng cho chăn nuôi; Xây dựng mô hình sử dụng thức ăn đậm đặc phối trộn với thức ăn của địa phương, nhằm giảm giá thành trong chăn nuôi.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thức ăn công nghiệp trên địa bàn tỉnh, ưu tiên hỗ trợ quỹ đất cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi.

c) Giải pháp về thú y

- Nâng cấp, hoàn thiện trang thiết bị cho Trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện, thành phố để nâng cao năng lực trong công tác thụ tinh nhân tạo và phòng, chống dịch bệnh gia súc.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức về chăn nuôi - thú y, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật và nâng cao năng lực cán bộ, nhất là thú y cơ sở tại thôn, bản.

- Chủ động kiểm soát và khống chế các loại dịch bệnh nguy hiểm như: Lở mồm long móng, Tụ huyết trùng, Nhiệt thán... Đảm bảo tiêm phòng đầy đủ cho đàn gia súc, gia cầm; khống chế và xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra. Đặc biệt chú trọng trong công tác phòng, chống đói rét cho đàn trâu, bò.

- Tập huấn nâng cao trình độ chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi đối với các chủ gia trại và các hộ chăn nuôi.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao cho đội ngũ cán bộ bán chuyên trách phụ trách lĩnh vực nông lâm nghiệp xã, các bộ khuyến nông, thú y thôn bản theo hình thức cầm tay chỉ việc, để đảm bảo 100% cán bộ thú y xã, phường, thị trấn và cán bộ khuyến nông, thú y thôn bản được tham gia nâng cao trình độ và hoạt động thực tiễn.

- Thường xuyên triển khai vệ sinh, khử trùng tiêu độc môi trường chăn nuôi. Thực hiện tốt công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

d) Giải pháp về khuyến nông

- Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, thú y cơ sở thông qua công tác đào tạo, tập huấn bồi dưỡng những tiến bộ khoa học mới trong chăn nuôi.

- Tổ chức tập huấn cho người chăn nuôi về kỹ thuật chăn nuôi, chế biến các phế phụ phẩm nông nghiệp sẵn có tại địa phương làm thức ăn cho gia súc, gia cầm.

- Xây dựng mô hình chăn nuôi trâu, bò, dê, lợn, gia cầm bản địa sử dụng thức ăn công nghiệp, mô hình chăn nuôi gà trên đệm lót sinh học, mô hình chăn nuôi ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.3. Giải pháp tiêu thụ sản phẩm

- Xây dựng kế hoạch quảng bá và định hướng thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi. Nội dung tập trung các sản phẩm đặc hữu từ ngành chăn nuôi của tỉnh như: Thịt trâu, bò Hà Giang, Mật ong hoa Bạc hà... đến người tiêu dùng trên cả

nước đặc biệt là các thành phố lớn. Tìm, giới thiệu các đơn vị, doanh nghiệp liên kết, thu mua sản phẩm chăn nuôi nhằm ổn định đầu ra cho người chăn nuôi.

- Xây dựng chợ buôn bán gia súc (*quy mô từ 100 con trở lên/phiên chợ*) tại 5 huyện: Hoàng Su Phì, Xín Mần, Bắc Quang, Bắc Mê, Yên Minh. Tiếp tục duy trì tốt hoạt động của chợ gia súc tại trung tâm huyện Mèo Vạc, chợ Lũng Phìn - huyện Đồng Văn, chợ Tráng Kim - huyện Quản Bạ và mở rộng một số chợ gia súc tại các xã biên giới.

- Xây dựng thương hiệu tập thể cho sản phẩm đại gia súc của tỉnh và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, tiềm năng thế mạnh trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

2.4. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Vận dụng linh hoạt các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông lâm nghiệp hàng hóa của trung ương như: Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Quyết định 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của tỉnh như: Nghị quyết 209/2015/NQ-HĐND và Nghị quyết 86/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh v/v ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định 22/2015/QĐ-UBND, Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh, về quy định chi tiết thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Đẩy mạnh thực hiện đầu tư có thu hồi theo Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính và Nghị quyết của HĐND tỉnh, về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

- Hỗ trợ đào tạo tập huấn theo Nghị quyết 112/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh; Quyết định 12/2016/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của UBND tỉnh v/v ban hành quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020.

2.5. Các giải pháp về môi trường

- Quy hoạch vùng chăn nuôi, đưa chăn nuôi tập trung theo hướng trang trại, gia trại ra xa khu dân cư và nhất thiết phải thực hiện quy định chăn nuôi an toàn gắn với bảo vệ môi trường.

- Xây dựng các chợ buôn bán gia súc gắn với phương án thu gom, xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động kinh doanh của chợ, đặc biệt là phân, nước thải gia súc đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đối với các cơ sở chế biến, giết mổ gia súc tập trung cần đảm bảo các tiêu chí về vệ sinh thú y, các tiêu chí bảo vệ môi trường theo quy định của Luật thú y và Kế hoạch 145/KH-UBND ngày 17/9/2015 về kiểm soát, khắc phục ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến năm 2020.

2.6. Giải pháp về tuyên truyền, vận động: Phát huy tối đa vai trò của hệ thống thông tin đại chúng và các hội đoàn thể trong công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết, Đề án, Kế hoạch về phát triển chăn nuôi bằng nhiều hình thức, như: Hội nghị, họp thôn, phóng sự, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, sân khấu hóa, hội thi, mô hình khuyến nông,.....

3. Kinh phí thực hiện

* **Tổng kinh phí thực hiện:** 235.361,9 triệu đồng. Trong đó:

3.1. Nguồn vốn vay tín dụng từ các Ngân hàng thương mại: 172.550 triệu đồng, trong đó:

- Vay vốn phát triển chăn nuôi lợn: 13.500 triệu đồng.
- Vay vốn phát triển chăn nuôi gia cầm: 2.520 triệu đồng.
- Vay vốn làm chuồng nuôi trâu, bò: 38.010 triệu đồng;
- Vay vốn mua trâu, bò: 110.680 triệu đồng.
- Vay vốn phát triển chăn nuôi dê: 7.840 triệu đồng.

3.2. Nguồn ngân sách nhà nước: 62.811,9 triệu đồng, trong đó:

* **Ngân sách Trung ương:** Hỗ trợ mua vắc xin cho 6 huyện 30a và vắc xin Lở mồm long móng cho huyện Vị Xuyên: 11.276 triệu đồng.

* **Ngân sách tỉnh:** Tổng kinh phí: 39.116 triệu đồng, cụ thể:

- Hỗ trợ mua vắc xin: năm 2018 mua vắc xin Lở mồm long móng cho 4 huyện vùng đệm. Kinh phí thực hiện: 2.531 triệu đồng.

- Kinh phí mua hóa chất khử trùng tiêu độc: 2.000 triệu đồng.
- Hỗ trợ tiền công cho dẫn tinh viên: 2.080 triệu đồng.
- Hỗ trợ lãi suất vay vốn phát triển chăn nuôi lợn: 1.350 triệu đồng.
- Hỗ trợ lãi suất vay vốn phát triển chăn nuôi gia cầm: 252 triệu đồng.
- Hỗ trợ lãi suất vay xây chuồng trại chăn nuôi: 3.801 triệu đồng.
- Hỗ trợ lãi suất vay vốn mua trâu, bò: 11.068 triệu đồng.
- Hỗ trợ lãi suất vay vốn phát triển chăn nuôi dê: 784 triệu đồng.
- Xây dựng thương hiệu tập thể trâu, bò Hà Giang: 50 triệu đồng.
- Kinh phí đầu tư xây dựng chợ buôn bán gia súc: 7.500 triệu đồng.

- Kinh phí đầu tư xây dựng, nâng cấp nhà chẩn đoán dịch bệnh động vật thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y: 4.500 triệu đồng. Từ nguồn vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách tỉnh.

- Kinh phí xúc tiến thương mại, tuyên truyền, quảng bá tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi: 200 triệu đồng.

* **Nguồn ngân sách huyện:** Tổng kinh phí 15.419,9 triệu đồng, cụ thể:

- Kinh phí mua vắc xin tiêm phòng cho trâu, bò, lợn, chó: 9.020,9 triệu đồng.

- Kinh phí bình tuyển trâu bò cái đủ tiêu chuẩn làm giống: 1.200 triệu đồng.

- Kinh phí hỗ trợ một lần cho mua trâu bò cái sinh sản: 1.625 triệu đồng.

- Hỗ trợ chi phí trồng cỏ mới: 936 triệu đồng.

- Kinh phí hỗ trợ thiến trâu, bò đực cóc: 438 triệu đồng.

- Kinh phí nâng cấp trang thiết bị cho 11 Trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện, thành phố: 2.200 triệu đồng.

(có biểu 04, 05, 06 cụ thể chi tiết kèm theo)

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	Kết quả
1	Phát triển tổng đàn gia súc, gia cầm	UBND các huyện, thành phố	Trong năm 2018	Tổng đàn đến 01/12/2018: - Đàn trâu, bò: 293.517 con - Đàn lợn: 599.813 con - Đàn dê: 174.844 con - Đàn gia cầm: 4.733,6 nghìn con - Đàn ong: 43.964 tổ.
2	Trồng mới diện tích cỏ phục vụ chăn nuôi đại gia súc và khai thác, chế biến	UBND các huyện, thành phố	Quý II-III/2018	- Trồng mới 468 ha cỏ phục vụ chăn nuôi - 100% hộ gia đình thực hiện chế biến thức ăn dự trữ cho trâu, bò qua đông
3	Nâng cấp trang thiết bị thụ tinh nhân tạo cho Trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện, thành phố	UBND các huyện, thành phố	Quý II	- Hoàn thiện nâng cao năng lực công tác thụ tinh nhân tạo - Thụ tinh nhân tạo cho 4.000 con trâu, bò
4	Bình tuyển trâu, bò cái làm đàn cái nền và quy hoạch thành vùng sản xuất con giống	UBND các huyện, thành phố	Quý I-II/2018	- Bình tuyển được 6.000 con trâu, bò sinh sản đạt tiêu chuẩn - Mỗi huyện xây dựng được một xã chuyên sản xuất, cung cấp trâu, bò giống

5	Thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm	UBND các huyện, thành phố, Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý I - IV/2018	- Tiêm phòng các loại vắc xin bắt buộc cho 100% tổng đàn trâu, bò, lợn. - Thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc môi trường chăn nuôi và khống chế dịch bệnh gia súc...
6	Nâng cấp phòng Chẩn đoán – Chi cục CN và Thú y	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý I - IV/2018	Hoàn thiện, nâng cao năng lực chẩn đoán dịch bệnh
7	Phát triển trang trại, gia trại chăn nuôi	UBND các huyện/thành phố	Quý I - IV/2018	- Hình thành mới 107 trang trại, gia trại chăn nuôi gia súc, gia cầm - Triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi của trung ương, tỉnh
8	Xây dựng thương hiệu tập thể trâu, bò Hà Giang	Sở Khoa học và CN – chủ trì; Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thành phố phối hợp	Quý III/2018	Xây dựng và sử dụng nhãn hiệu tập thể trâu, bò Hà Giang
9	Xây dựng chợ buôn bán gia súc	UBND huyện: Hoàng Su Phì, Xín Mần, Bắc Quang, Bắc Mê, Yên Minh	Quý III/2018	Hoàn thiện 5 chợ buôn bán gia súc và đi vào hoạt động
10	Xúc tiến thương mại tuyên truyền, quảng bá tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi	Sở Công thương chủ trì, các Sở Thông tin và truyền thông; UBND các huyện, thành phố phối hợp	Trong năm 2018	Tuyên truyền, giới thiệu sản phẩm, thiết kế, in ấn các tài liệu quảng bá về sản phẩm đại gia súc

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố

- Tham mưu cho Ban thường vụ các Huyện ủy, Thành ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Có trách nhiệm cụ thể hóa thành kế hoạch tổ chức triển khai, thực hiện theo các nội dung Kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Chủ động cân đối nguồn ngân sách được giao theo phân cấp quản lý để tổ chức thực hiện kế hoạch (các nhiệm vụ thuộc ngân sách cấp huyện đảm bảo), trong đó tập chung ưu tiên nguồn lực để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng hàng hóa; chăn nuôi tập trung quy mô trang trại, gia trại nhằm tăng nhanh tổng đàn và sản lượng thịt hơi suất chuồng.

- Đảm bảo tốc độ tăng trưởng đàn đại gia súc dựa trên tăng đàn tự nhiên đối với đàn trâu là 3,7%; đàn bò là 4,8% và tăng đàn cơ học, đàn lợn 8%, đàn gia cầm 12%. Đẩy mạnh công tác thụ tinh nhân tạo trên đàn trâu, bò, lợn.

- Xây dựng mới chợ đầu mối buôn bán đại gia súc (*quy mô tối thiểu mỗi phiên phải có ít nhất từ 100 con trở lên*) và mở rộng một số chợ gia súc tại các xã biên giới.

- Thực hiện bình tuyển đàn trâu, bò cái để làm giống. Lựa chọn, quy hoạch một xã thành vùng chuyên sản xuất con giống cung cấp giống cho người chăn nuôi.

- Thực hiện thiên trâu, bò đực cóc không đủ tiêu chuẩn làm giống.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề, tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ bán chuyên trách phụ trách lĩnh vực nông lâm nghiệp xã, các bộ khuyến nông, thú y thôn bản, người chăn nuôi về kỹ thuật chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh phải thực sự có hiệu quả, tránh tình trạng tập huấn, hướng dẫn mang tính hình thức.

- Tập trung rà soát, xác định những diện tích đất nông nghiệp kém hiệu quả, đất hoang hóa, ... để chuyển đổi sang trồng cỏ phục vụ chăn nuôi.

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn; cơ quan chuyên môn tiếp tục rà soát, sàng lọc và thống kê lại số liệu đăng ký vay vốn của tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của Nghị quyết 209, Nghị quyết 86, các quyết định của UBND tỉnh và quy định của ngân hàng để công tác thẩm định được tập trung, hiệu quả.

- Thành lập các Tổ kiểm tra sử dụng vốn vay sau khi giải ngân, gắn trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành liên quan, đặc biệt là các hội như: Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên,...

- Chỉ đạo các xã, thị trấn tăng cường thực hiện công tác tiêm phòng, kiểm dịch cho đại gia súc sau từng đợt giải ngân và theo quy định của Luật Thú y. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát ngay tại cơ sở nhằm hạn chế tối đa rủi ro xảy ra, đảm bảo vốn vay được sử dụng đúng mục đích có hiệu quả.

- Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, đột xuất kết quả triển khai thực hiện kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và PTNT.

2. Trách nhiệm của các Sở ban ngành có liên quan

2.1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh trong việc chỉ đạo, giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện Kế hoạch tại các huyện, thành phố.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ chi tiết nguồn kinh phí thuộc ngân sách Trung ương hỗ trợ và bố trí kinh phí thực hiện những nhiệm vụ thuộc ngân sách tỉnh đảm bảo.

- Hướng dẫn kỹ thuật, chuyên môn cho các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch; lập kế hoạch tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ bán chuyên trách phụ trách lĩnh vực nông lâm nghiệp xã, các bộ khuyến nông, thú y thôn bản trên địa bàn toàn tỉnh.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, phòng chống đói rét cho gia súc, gia cầm.

- Phối hợp các ngành có liên quan triển khai và thực hiện các Kế hoạch nâng cấp chuỗi giá trị trâu, bò; chuỗi giá trị lợn, chuỗi giá trị ong...

- Trên cơ sở báo cáo tiến độ thực hiện Kế hoạch của các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh hàng tháng, quý, năm và đột xuất.

2.2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT cùng các Sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ chi tiết nguồn kinh phí NSTW hỗ trợ và bố trí kinh phí thực hiện những nhiệm vụ thuộc ngân sách tỉnh đảm bảo;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT cùng các Sở, ngành liên quan kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch của các huyện, thành phố

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi trên địa bàn tỉnh

2.3. Sở Công thương

- Rà soát, lập quy hoạch và kế hoạch phát triển mạng lưới chợ, trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở nông nghiệp và PTNT nghiên cứu đề xuất các chính sách thương mại, phân tích tìm hiểu các thị trường tiêu thụ, thúc đẩy xuất khẩu nông sản; hỗ trợ quảng bá sản phẩm hàng hóa thế mạnh của tỉnh; khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với thị trường tiêu thụ ổn định.

- Phối hợp, hướng dẫn các huyện xây dựng các chợ buôn bán gia súc, đặc biệt các chợ buôn bán gia súc tại các xã biên giới phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Cập nhật thường xuyên thông tin về giá và thị trường thịt gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh. Cung cấp thông tin cho Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố để chỉ đạo phát triển chăn nuôi gia súc và gia cầm sát với thực tế.

2.4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo quản lý, xây dựng kế hoạch sử dụng đất phù hợp yêu cầu phát triển sản xuất chăn nuôi, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp về đất để đầu tư sản xuất, đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, bảo vệ môi trường bền vững.

- Hướng dẫn và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân chuyển đổi những diện tích đất nông nghiệp kém hiệu quả, đất hoang chuyển sang trồng cỏ chăn nuôi.

2.5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Ưu tiên, bố trí các đề tài, dự án khoa học về phát triển chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố để xây dựng, thực hiện các đề tài, dự án ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh.

- Xây dựng thương hiệu tập thể và chỉ dẫn địa lý trâu, bò Hà Giang.

- Phối hợp với các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và các sở ngành có liên quan xây dựng dự án khoa học về ứng dụng công nghệ sinh sản để phát triển đàn trâu, bò Hà Giang.

2.6. Công an tỉnh: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các huyện, thành phố và các chủ trang trại, gia trại các thủ tục hành chính và thực hiện các biện pháp về bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

2.7. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố để triển khai tới các cơ quan thông tin tuyên truyền theo nhiệm vụ tại kế hoạch số 438/KH-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh về lĩnh vực chăn nuôi.

2.8. Cục Thống kê tỉnh: Có trách nhiệm thống kê đánh giá chính xác, chi tiết và sát với thực tế về các chỉ tiêu phát triển chăn nuôi theo các nội dung của kế hoạch đã đề ra, số liệu cần kịp thời và cụ thể đến xã.

2.9. Đề nghị Ủy ban MTTQ tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh: Phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện thành phố tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tham gia thực hiện Kế hoạch.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, yêu cầu UBND các huyện, thành phố, các ngành chức năng, các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TTr. Tỉnh ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Các Sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Tài nguyên và MT, Khoa học và CN, Công an, Thông tin và Truyền thông, Thống kê;
- Các huyện ủy, thành ủy; (phối hợp chỉ đạo)
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP (Đ/c Sang, Hòa);
- VNPTioffice;
- Lưu: VT, KTN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Tiến

STT	Nội dung	ĐVT	Tổng số	Chia ra các huyện										
				TP Hà Giang	Đông Văn	Mèo Vạc	Yên Minh	Quản Bạ	Vị Xuyên	Bắc Mê	H.S. Phi	Xín Mần	Bắc Quang	Quang Bình
1	Tổng đàn	Con	2.137	0	84	106	110	522	75	130	152	327	40	91
2	Số con xuất chuồng	Con	768	0	125	65	107	35	65	55	69	207	17	23
3	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	100,46	0	14,54	7,38	4,25	13,70	10,76	10,1	10,63	23,49	2,2	3,41
4	Giá trị thu được	Tỷ đồng	13,3	0	1,924	0,976	0,562	1,813	1,424	1,336	1,407	3,108	0,291	0,451
II Năm 2018			0											
1	Tổng đàn	Con	2.030	0	80	101	105	496	71	124	144	786	38	86
2	Số con xuất chuồng	Con	756	0	65	58	45	182	45	48	75	193	18	27
3	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	110	0	9,425	8,41	6,525	26,39	6,525	6,96	10,875	27,985	2,61	3,915
4	Giá trị thu được	Tỷ đồng	15,6	0	1,344	1,199	0,931	3,763	0,931	0,993	1,551	3,991	0,372	0,558
C Chăn nuôi dê														
I Năm 2017														
1	Tổng đàn	Con	166.795	1.394	18.345	17.423	11.668	4.326	19.092	22.252	23.222	21.489	14.676	12.908
2	Số con xuất chuồng	Con	78.132	408	8.542	8.313	6.639	1.750	9.493	11.282	9.939	9.195	7.446	5.125
3	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	1.683	8,65	189,63	158,78	169,16	34,83	232,61	240,31	211,7	198,27	137,01	101,67
4	Giá trị thu được	Tỷ đồng	195,38	1,004	22,019	18,437	19,642	4,044	27,009	27,903	24,581	23,022	15,909	11,805
II Năm 2018														
1	Tổng đàn	Con	174.844	1.450	19.262	18.294	12.251	4.542	20.047	23.365	24.383	22.563	15.263	13.424
2	Số con xuất chuồng	Con	88.289	461	9.652	9.394	7.502	1.978	10.727	12.749	11.231	10.390	8.414	5.791
3	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	2.027	9,2	241,3	234,8	187,6	49,4	236,0	280,5	247,1	228,6	185,1	127,4
4	Giá trị thu được	Tỷ đồng	235,4	1,1	28,0	27,3	21,8	5,7	27,4	32,6	28,7	26,5	21,5	14,8
D Chăn nuôi lợn														
I Năm 2017														
1	Tổng đàn	Con	555.381	16.072	25.058	22.496	51.875	35.360	83.627	38.417	71.186	61.284	87.387	62.619
2	Số con xuất chuồng	Con	496.627	17.747	22.448	20.916	41.293	28.718	77.619	37.206	71.287	52.292	77.370	49.731
3	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	27.269,1	1079,5	1.144,8	1.125,3	2.115,2	1.313,0	5.036,9	1.938,4	3.177,5	2.685,8	4.586,7	3.066
4	Giá trị thu được	Tỷ đồng	864,29	34,2	36,3	35,7	67,0	41,6	159,6	61,4	100,7	85,1	145,4	97,2
II Năm 2018														
1	Tổng đàn	Con	599.813	17.358	27.063	24.296	56.025	38.189	90.317	41.490	76.881	66.187	94.378	67.629
2	Số con xuất chuồng	Con	569.822	16.490	25.710	23.081	53.224	36.280	85.801	39.416	73.037	62.878	89.659	64.248
3	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	32.765	989	1.414	1.269	2.927	1.995	5.577	2.562	3.652	3.144	5.380	3.855

STT	Nội dung	ĐVT	Tổng số	Chia ra các huyện										
				TP Hà Giang	Đồng Văn	Mèo Vạc	Yên Minh	Quản Bạ	Vị Xuyên	Bắc Mê	H.S. Phi	Xín Mần	Bắc Quang	Quang Bình
4	Giá trị thu được	Tỷ đồng	1.038,5	31,4	44,8	40,2	92,8	63,2	176,8	81,2	115,7	99,6	170,5	122,2
E	Chăn nuôi gia cầm													
I	Năm 2017													
1	Tổng đàn	1000 con	4.226,18	95,91	222,21	282,12	316,12	176,80	642,42	231,34	375,52	398,00	955,04	530,70
2	Số con xuất chuồng	1000 con	4.234,41	88,84	170,02	190,83	332,71	158,93	680,14	226,85	421,7	435,35	1057,64	471,4
3	Sản lượng thịt hơi gà xuất chuồng	Tấn	5.160,70	123,61	211,28	232,6	361,51	205,68	897,73	257,86	514,01	479,1	1.320,5	556,82
	Sản lượng thịt hơi vịt xuất chuồng	Tấn	916,34	18,21	19,38	19,36	87,52	34,2	113,16	75,13	80,3	75,84	251,2	142
	Sản lượng thịt hơi ngan xuất chuồng	Tấn	569,47	11,09	24,35	44,11	33,31	19,57	80,58	16,62	72,12	107,23	119,3	41,23
	Sản lượng thịt hơi ngỗng xuất chuồng	Tấn	14,04	0,15	1,03	0,56	0,31	0,9	0,45	2,72	1,61	1,44	2,6	2,32
4	Giá trị thu được	Tỷ đồng	429,79	9,94	16,75	19,32	30,88	16,85	71,15	22,42	43,17	42,65	109,21	47,46
II	Năm 2018													
	Tổng đàn gia cầm	1000 con	4.733,6	107,4	248,9	316,0	354,3	198,0	719,6	259,1	420,6	445,8	1.069,6	594,4
1	Tổng đàn gà	1000 con	3.871,96	86,55	215,81	259,83	278,79	168,11	591,24	209,14	336,54	377,44	860,61	487,91
	Tổng đàn vịt	1000 con	547,58	15,77	14,53	21,22	54,56	15,23	77,60	44,41	40,94	31,09	143,75	88,48
	Tổng đàn ngan	1000 con	306,69	4,98	17,68	34,23	20,87	14,41	50,67	4,27	41,63	36,85	64,36	16,74
	Tổng đàn ngỗng	1000 con	7,38	0,12	0,85	0,68	0,13	0,22	0,08	1,27	1,46	0,43	0,91	1,23
2	Số con gà xuất chuồng	1000 con	4.359,2	93,45	184,69	200,53	341,30	167,24	740,14	225,40	419,58	424,74	1.081,71	480,48
	Số con vịt xuất chuồng	1000 con	600,9	11,45	12,96	11,53	53,86	20,55	67,90	49,43	56,39	55,13	172,88	88,81
	Số con ngan xuất chuồng	1000 con	327,6	6,08	14,69	26,26	20,60	10,63	41,94	7,65	50,49	63,88	66,30	19,09
	Số con ngỗng xuất chuồng	1000 con	8,6	0,08	0,26	0,98	2,60	0,25	0,20	1,08	0,68	0,45	1,16	0,88
3	Sản lượng thịt hơi gà xuất chuồng	Tấn	6.756,8	144,8	286,3	310,8	529,0	259,2	1147,2	349,4	650,3	658,3	1676,7	744,7
	Sản lượng thịt hơi vịt xuất chuồng	Tấn	1.321,9	25,2	28,5	25,4	118,5	45,2	149,4	108,7	124,1	121,3	380,3	195,4
	Sản lượng thịt hơi ngan xuất chuồng	Tấn	950,0	17,6	42,6	76,2	59,7	30,8	121,6	22,2	146,4	185,2	192,3	55,4

STT	Nội dung	ĐVT	Tổng số	Chia ra các huyện											
				TP Hà Giang	Đông Văn	Mèo Vạc	Yên Minh	Quản Bạ	Vị Xuyên	Bắc Mê	H.S. Phi	Xín Mần	Bắc Quang	Quang Bình	
	Sản lượng thịt hơi ngỗng xuất chuồng	Tấn	43,9	0,4	1,3	5,0	13,3	1,3	1,0	5,5	3,4	2,3	5,9	4,5	
4	Giá trị thu được	Tỷ đồng	582,7	12,1	23,4	27,1	46,1	21,7	92,3	30,8	59,1	61,8	144,4	63,9	
F	Chăn nuôi ong														
I	Năm 2017														
1	Số tổ	Tổ	39.171	645	7.180	10.088	4.934	3.569	2.359	650	3.713	2.589	1.530	1.914	
2	Sản lượng mật	Tấn	223,98	2,06	31,55	59	34,36	12,42	17,09	4,24	24,1	20	8,35	10,78	
3	Giá trị thu được	Tỷ đồng	25,99	0,248	3,660	6,844	3,986	1,441	1,982	0,492	2,800	2,320	0,969	1,250	
II	Năm 2018														
1	Số tổ	Tổ	39.964	651	7.324	10.391	5.082	3.640	2.359	657	3.790	2.615	1.535	1.920	
2	Sản lượng mật	Tấn	277,8	3,71	52,73	74,82	36,59	26,21	15,33	4,27	24,64	17,00	9,98	12,48	
3	Giá trị thu được	Tỷ đồng	33,4	0,45	6,34	9,00	4,40	3,15	1,84	0,51	2,96	2,04	1,20	1,50	
G	Giá trị thu được từ chăn nuôi khác năm 2018 (chó, thỏ, ếch, trảng....)	Tỷ đồng	387,9	8,2	20,1	23,0	31,2	18,0	53,0	28,1	45,1	39,2	68,0	54,0	

* Ghi chú: - Tổng đàn gia súc, gia cầm; sản lượng thịt hơi và số con xuất chuồng năm 2017 khai thác từ nguồn của Cục Thống kê tỉnh.

- Ước kết quả thực hiện đến 01/10/2018

BIỂU 02: KẾ HOẠCH TĂNG TRƯỞNG TỰ NHIÊN VÀ TĂNG CƠ HỌC ĐÀN TRÁU, BÒ NĂM 2018
(Kèm theo Kế hoạch số 43 /KH-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Huyện, TP	Năm 2017			Kế hoạch năm 2018										Nhu cầu có cho tăng đàn	
		Tổng (con)	Trâu (con)	Bò (con)	Tăng so với năm 2017 (%)	Tổng đàn (con)	Trong đó		Số con tăng						Tổng trâu, bò tăng (con)	Nhu cầu có (ha)
							Trâu (con)	Bò (con)	Tăng tự nhiên			Tăng cơ học				
									Tổng	Trâu (con)	Bò (con)	Tổng	Trâu (con)	Bò (con)		
	Tổng số	281.803	171.342	110.461	4,2	293.517	177.488	116.029	8.999	4.857	4.142	2.715	1.520	1.195	11.714	468
1	Đồng Văn	21.982	949	21.033	5,1	23.112	988	22.124	860	19	841	270	20	250	1.130	45
2	Mèo Vạc	30.397	4.177	26.220	4,5	31.780	4.261	27.519	1.133	84	1049	250		250	1.383	55
3	Yên Minh	34.779	13.739	21.040	4,1	36.206	14.114	22.092	1.117	275	842	310	100	210	1.427	57
4	Quản Bạ	21.432	6.890	14.542	4,4	22.372	7.048	15.324	720	138	582	220	20	200	940	38
5	Hoàng Su Phì	29.069	23.087	5.982	4,0	30.241	23.749	6.492	872	693	179	300	200	100	1.172	47
6	Xín Mần	30.479	21.028	9.451	4,3	31.794	21.959	9.835	915	631	284	400	300	100	1.315	53
7	Bắc Quang	22.686	22.081	605	4,3	23.666	23.043	623	680	662	18	300	300		980	39
8	Quang Bình	22.841	22.668	173	3,4	23.626	23.448	178	685	680	5	100	100		785	31
9	Vị Xuyên	38.458	34.858	3.600	3,8	39.927	36.184	3.743	1.154	1046	108	315	280	35	1.469	59
10	Bắc Mê	26.713	19.178	7.535	3,9	27.744	19.933	7.811	801	575	226	230	180	50	1.031	41
11	TP Hà Giang	2.967	2.687	280	2,8	3.049	2.761	288	62	54	8	20	20		82	3

* Ghi chú: Số liệu tổng đàn trâu, bò tính đến 01/10/2017 theo nguồn số liệu của Cục thống kê tỉnh Hà Giang.

**BIỂU 04: DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐỘT PHÁ ĐỀ ÁN NỬA TRIỆU CON GIA SÚC
VÀ ĐẢM BẢO TỶ TRỌNG CHĂN NUÔI TOÀN TỈNH NĂM 2018 ĐẠT 32%**

(Kèm theo Kế hoạch số *43* /KH-UBND ngày *30* tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Diễn giải	Tổng số	Trong đó			
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vay vốn tín dụng
	Tổng	235.361,9	11.276,0	36.116,0	15.419,9	172.550,0
I	Vốn vay tín dụng Ngân hàng theo NQ209, NQ86	172.550,0				172.550,0
	Vay vốn phát triển gia trại chăn nuôi lợn	13.500				13.500
	Vay vốn phát triển gia trại chăn nuôi gia cầm	2.520				2.520
	Vay vốn xây dựng chuồng trại Phát triển chăn nuôi trâu, bò	38.010				38.010
	Vay vốn vay vốn mua trâu, bò giống	110.680				110.680
	Vay vốn phát triển gia trại chăn nuôi dê	7.840				7.840
II	Ngân sách nhà nước	62.811,9	11.276,0	36.116,0	15.419,9	
1	Kinh phí mua vắc xin tiêm phòng cho trâu, bò, lợn	22.827,9	11.276,0	2.531,0	9.020,9	
2	Kinh phí mua hóa chất khử trùng tiêu độc: 14.286 lít/ năm x 140.000đ/ lít	2.000		2.000		
3	Kinh phí bình tuyến trâu bò cái. Dự kiến bình tuyến 6.000 con x 200.000đ/con	1.200			1.200	
4	Hỗ trợ công chăn nuôi, chăm sóc trâu, bò cái được bình tuyến: 1.625 con x 1tr.đ/con	1.625			1.625	
5	Hỗ trợ tiền công cho dẫn tinh viên: định mức 0,4 x lương cơ sở x 4.000 con	2.080		2.080		
6	Hỗ trợ lãi suất vay xây chuồng trại chăn nuôi: 2.715 con x 3,5tr.đ/m ² x 4m ² /con x 10% năm	3.801		3.801		
7	Kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn mua trâu, bò năm 2018: 5.534 con x 20tr.đ/con x 10% năm	11.068		11.068		
8	Hỗ trợ lãi suất phát triển chăn nuôi lợn	1.350		1.350		
9	Hỗ trợ lãi suất phát triển chăn nuôi gia cầm	252		252		
10	Hỗ trợ lãi suất phát triển chăn nuôi dê	784		784		
8	Hỗ trợ chi phí trồng cỏ mới: năm 2018 tăng 11.741 con x 400 m ² /con = 468 ha x 2.tr.đ/ha	936			936	
9	Hỗ trợ kinh phí xây dựng thương hiệu tập thể Bò vàng vùng cao nguyên đá Đổng Văn	50		50		
10	Kinh phí hỗ trợ cho thiến trâu, bò đực cóc không đủ tiêu chuẩn làm giống 350.000đồng/con x 1.250 con/ năm	438			438	
11	Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng chợ buôn bán gia súc. Năm 2018 thực hiện xây dựng 5 chợ x 1.500tr.đ/huyện.	7.500		7.500		
12	Kinh phí nâng cấp trang thiết bị cho Trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện để đảm bảo năng lực trong công tác thụ tinh nhân tạo và phòng chống dịch gia súc bệnh 200.000.000đ/1 trạm	2.200			2.200	
13	Kinh phí xây dựng nhà chẩn đoán xét nghiệm tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y	4.500		4.500		
14	Kinh phí Xúc tiến thương mại tuyên truyền, quảng bá tiêu thụ sản phẩm: 200 tr.đ/năm	200		200		

BIỂU 06: KINH PHÍ HUYỆN MUA VẮC XIN TIÊM PHÒNG GIA SÚC NĂM 2018
(Kèm theo Kế hoạch số 43 /KH-UBND, ngày 30 tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Tên huyện	Tổng đàn trâu bò (con)	Tổng đàn lợn (con)	Tổng đàn chó (con)	Vắc xin huyện mua										Tổng liều vắc xin/năm	Ngân sách huyện mua
					Nhiệt thán		THT trâu, bò		Dịch tả lợn		THT lợn		Đại chó			
					SL (liều)	T. tiền	SL (liều)	T. tiền	SL (liều)	T. tiền	SL (liều)	T. tiền	SL (liều)	T. tiền		
I	6 huyện 30 a và huyện Vị Xuyên															
1	Mèo Vạc	30.397	22.496	10.737							35.994	151.173	8.590	102.818	44.583	253.991
2	Đông Văn	21.982	25.058	9.868							40.093	168.390	7.894	94.496	47.987	262.886
3	Yên Minh	34.779	51.875	8.667							83.000	348.600	6.934	82.995	89.934	431.595
4	Quản Bạ	21.432	35.360	4.688							56.576	237.619	3.750	44.892	60.326	282.511
5	H. Su Phi	29.069	71.186	9.628							113.898	478.370	7.702	92.198	121.600	570.568
6	Xín Mần	30.479	61.284	10.708							98.054	411.828	8.566	102.540	106.621	514.368
	Tổng	168.138	267.259	54.296	0	0	0	0	0	0	427.614	1.795.980	43.437	519.938	471.051	2.315.919
II	Các huyện còn lại (vắc xin do tỉnh mua, huyện mua)															
1	Vị Xuyên	38.458	83.627	15.332	38.458	306.895	76.916	468.418	133.803	561.973	133.803	561.973	12.266	146.819	395.246	2.046.079
2	Bắc Quang	22.686	87.387	20.186	22.686	181.034	45.372	276.315	139.819	587.241	139.819	587.241	16.149	193.301	363.845	1.825.132
3	Bắc Mê	26.713	38.417	7.980	26.713	213.170	53.426	325.364	61.467	258.162	61.467	258.162	6.384	76.416	209.457	1.131.275
4	TP. Hà Giang	2.967	16.072	3.051	2.967	23.677	5.934	36.138	25.715	108.004	25.715	108.004	2.441	29.216	62.772	305.039
5	Quang Bình	22.841	62.619	9.965	22.841	182.271	45.682	278.203	100.190	420.800	100.190	420.800	7.972	95.425	276.876	1.397.499
	Tổng	113.665	288.122	56.514	113.665	907.047	227.330	1.384.440	460.995	1.936.180	460.995	1.936.180	45.211	541.178	1.308.197	6.705.024
	Tổng cộng	281.803	555.381	110.810	113.665	907.047	227.330	1.384.440	460.995	1.936.180	888.610	3.732.160	88.648	1.061.117	1.779.248	9.020.943

* Ghi chú: Nhu cầu vắc xin đối với trâu bò 100% so với tổng đàn; 80% so với tổng đàn lợn, chó.

Giá vắc xin thời điểm đầu năm 2018 theo báo giá của nhà sản xuất; THT trâu bò 6.090 đ/liều; Nhiệt thán 7.980đ/liều; DTL và THT lợn 4.200đ/liều; Đại chó 11.970 đồng/liều